TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 187/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2021
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 637/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 183/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 011, chung cư Bàu C, Phường S, quận Tân Bình, Thành phố M.

Chỗ ở hiện nay: Số 4/9, đường TTN1, Khu phố 3, phường K, Quận 12, Thành phố M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Ông Trương Nguyễn Công N – Luật sư Công ty luật TNHH một thành viên Nhân Việt thuộc đoàn luật sư Thành phố M.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 011, chung cư Bàu C, Phường S, quận Tân Bình, Thành phố M.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt; Ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 11 năm 2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Võ Thanh T chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 15 tháng 8 năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp và do bà N đi chống dịch không về nhưng ông T không hiểu mà còn nhiều lần đe dọa bà N. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông T.

Về con chung: Bà N khai, bà N và ông T chung sống có 01 con chung tên Võ Phạm Khánh Đ, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà N khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông Võ Thanh T: Ông T xác nhận lời trình bày của bà N về thời gian điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông T và bà N theo lời trình bày của bà N là đúng. Nay bà N xin ly hôn, ông T không đồng ý. Nếu tòa án có căn cứ cho ly hôn,

Về con chung tên Đăng đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn của vị Luật sư: Bà N và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà N và ông T là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của bà N và ông T thường phát sinh mâu thuẫn do ông T ra ngoài uống rượu về la mắng bà N và bà N đi chống dịch không về nhà nên ông T ghen tuông làm ảnh hưởng đến uy tín của bà N. Về con chung: Võ Phạm Khánh Đ, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được bà N chấp nhận và ông T xin vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa để thể hiện ý chí hàn gắn. Từ đó, xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, bà N xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn có đăng ký tạm trú tại Ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Mỹ Hạnh N xác nhận ngày 25 tháng 10 năm 2021) nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Võ Thanh T xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Võ Thanh T chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 15 tháng 8 năm 2003 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà N và ông T chung sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cải vã, sống không hợp nhau. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tha thiết xin được ly hôn với ông T. Ngược lại, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được bà N chấp nhận và ông T xin vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa để thể hiện ý chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông T thống nhất khai, bà N và ông T chung sống có 01 con chung tên Võ Phạm Khánh Đ, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004. Nếu tòa án có căn cứ cho ly hôn, bà N và ông T thống nhất con chung đã trưởng thành nên bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà N và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N xin ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về con chung: Võ Phạm Khánh Đ, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2004 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung: Bà N và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Bà N và ông T thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 8928 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà N có mặt mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T vắng mặt mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND thị trấn L
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp